

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2024

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi

Ông Lương Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Th Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991 (có mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn G, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1991 (vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn G, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn U kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 06/6/2013. Sau khi tổ chức đám cưới theo P tục tập quán, vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn G, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U chơi bời, có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Không những thế, mẹ chồng chị Th không khuyên nhủ hoà giải mà còn xúc phạm, vút quần áo và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Nhận thấy, hôn nhân của vợ chồng chị Th không hạnh phúc nên bố mẹ đẻ chị Th đã đón mẹ con chị Th về ở nhà cũng tại thôn G, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội và hỗ trợ chị Th chăm sóc con cái. Khoảng một năm sau anh U có đến gặp và xin quay về đoàn tụ, do được bố mẹ động viên và vì con cái nên chị Th chấp nhận quay lại sống với anh U, nhưng do bản tính không đổi, anh U tiếp tục có mối quan hệ không chính đáng với người khác, thường xuyên say xỉn, không cùng chị chăm sóc con cái và lo toan các chi phí trong gia đình, coi thường nhà vợ. Vợ chồng thường xuyên cãi vã ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần được hai bên gia đình can thiệp, hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Thúy xin ly hôn với anh U để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Th và anh U có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 25/6/2017, hiện tại cả hai con đang ở cùng chị Th. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Th làm kế toán tại Công ty TNHH TMTH Hải Thịnh Phát ở xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng và làm hợp đồng tại UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, với mức lương 3 triệu đồng/tháng, tổng cộng là 11 triệu đồng/tháng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở, đồng thời hỗ trợ chị Th chăm sóc cho các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh U không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn U nhưng anh U đều vắng mặt trong các buổi làm việc và hòa giải. Mẹ đẻ anh U là bà Đặng Thị Dân cho biết: Chị Th và anh U kết hôn được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị Th về chung sống với anh U tại thôn G, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, thậm chí còn đánh nhau, đã nhiều lần chị Th dọa gửi đơn ly hôn với anh U, hai vợ chồng chung sống không hoà thuận. Khoảng tháng 7 năm 2023 chị Th về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay, ly thân với anh U. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh U chị Th bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã. Bà nhận thay và cam kết gửi lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh U và động viên anh U đến Tòa để giải quyết dứt điểm. Anh U và chị Th có 2 con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 25/6/2017, hiện tại cả hai con đang ở cùng chị Th. Trường hợp anh U và chị Th ly hôn, anh chị có nói chuyện là mỗi bên nuôi 1 con, anh U nuôi cháu N còn chị Th nuôi cháu P. Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh U, chị Th thì bà không nắm rõ.

Tại phiên toà: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với anh U, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 25/6/2017; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền; Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn U. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 25/6/2017. Chị Th không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh U đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn U vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn U kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 06/6/2013. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh xét thấy vợ chồng chị Th và anh U có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ khoảng tháng 7/2023, không còn khả năng hàn gắn tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và không yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Phía anh U cũng xác định

vợ chồng không còn khả năng quay về đoàn tụ nhưng không đến Toà án trình bày ý kiến. Xét thấy, hôn nhân của anh U và chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Th và anh U có hai con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 25/6/2017. Chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh U không có mặt cũng không trình bày ý kiến. Xét chị Th có thu nhập và chỗ ở ổn định để nuôi con, mặt khác cả cháu P và cháu N đều có nguyện vọng được ở với mẹ và thực tế các cháu cũng đang sống cùng mẹ ở nhà ông bà ngoại, việc sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định. Vì vậy giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Văn P và cháu Nguyễn Kim Bảo N cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho các cháu. Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh U đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh U có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th. Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Nguyễn Kim Bảo N, sinh ngày 25/6/2017 đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh U đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh U có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016140 ngày 29/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T, TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đoàn Lan Hương

